TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1196/2026/DS-PT
Ngày: 28/8/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Ông Trần Nam Trung.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Phi Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1390/2026/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 278/2026/DS-ST, ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1387/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T1 (Việt Nam). Trụ sở: 91 đường P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: Ông Lee Yun H - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Hải N - Chuyên viên pháp lý Công ty L. Địa chỉ: B L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh theo văn bản uỷ quyền số 248/GUQ-2025 ngày 21/6/2025. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn N1, sinh năm: 1981. Địa chỉ: 4 khu vực Y, phường C, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn trình bày:* Ngày 21/5/2024, Công ty T1 (Việt Nam) ký Hợp đồng tín dụng số: 5532421 về việc cấp tín dụng cho ông Trần Văn N1 khoản vay trị giá 38.772.000 đồng, trong đó bao gồm: 36.000.000 đồng tiền vay và 2.772.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 58%/năm. Thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 15/06/2024 đến ngày 15/05/2027. Thanh toán gốc, lãi trong 36 kỳ, mỗi kỳ 2.308.255 đồng vào ngày 15 hàng tháng. Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5532421 ngày 21/5/2024 giữa Công ty và ông Trần Văn N1 là hợp đồng được giao kết thông qua hình thức ký kết hợp đồng điện tử. Ông Trần Văn N1 đồng ý các điều khoản quy định trên hợp đồng và xác nhận ký hợp đồng bằng cách nhập mã OTP được gửi từ hệ thống qua SMS hoặc Email. Sau khi kiểm tra OTP hợp lệ, Công ty sẽ khởi tạo chữ ký số, thực hiện ký hợp đồng điện tử và lưu trữ hợp đồng điện tử, thông tin khoản vay. Khi đó, phía Công ty TNHH H1 cũng sẽ tự động khởi tạo chữ ký số và thực hiện ký hợp đồng điện tử cho Công ty. Ngày 21/5/2024, nguyên đơn đã giải ngân toàn bộ khoản vay cho ông Trần Văn N1 vào tài khoản do ông Trần Văn N1 đứng tên theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng; trong đó: Số tiền vay 36.000.000 đồng và công ty M 2.772.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn N1 đã thanh toán được 07 kỳ, tổng số tiền 16.160.765 đồng, trong đó: tiền vốn gốc 3.832.114 đồng + lãi 12.244.651 đồng + phí thu hộ: 84.000 đồng. Kể từ ngày 11/12/2024 đến nay, ông Trần Văn N1 đã không thanh toán nữa, để khoản vay quá hạn. Tính đến ngày 29/04/2026, ông Trần Văn N1 còn thiếu tổng cộng 66.233.692 đồng, trong đó: Nợ gốc còn lại chưa thanh toán 34.939.886 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (kỳ 08 đến kỳ 36) 22.529.169 đồng, số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (150% x lãi suất năm x số tiền gốc phải trả mỗi kỳ x số ngày trễ hạn/365 ngày) 7.155.329 đồng, số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán (10% x số tiền lãi phải thanh toán mỗi kỳ x số ngày trễ hạn/365 ngày) 1.609.308 đồng. Nguyên đơn yêu cầu ông Trần Văn N1 phải thanh toán toàn bộ khoản vay còn thiếu nêu trên cho nguyên đơn, tạm tính đến ngày 29/04/2026, tổng cộng là 66.233.692 đồng và lãi phát sinh từ ngày 30/04/2026 đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay nói trên.

* Tại Bản án sơ thẩm số 278/2026/DS-ST, ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty T1 (Việt Nam).

Buộc ông Trần Văn N1 phải trả Công ty T1 (Việt Nam) tiền nợ còn thiếu của Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 5532421 ngày 21/5/2024 giữa Công ty T1 (Việt Nam) với ông Trần Văn N1, tạm tính đến ngày 29/4/2026, tổng cộng là: 64.624.384 đồng, trong đó: Nợ gốc: 34.939.886 đồng + Lãi trong hạn và lãi quá hạn: 29.684.498 đồng.

Và lãi phát sinh kể từ ngày 30/4/2026 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thoả thuận tại hợp đồng đã ký.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phạt chậm trả lãi từ ngày 15/01/2025 đến ngày 29/4/2026; tổng cộng là: 1.609.308 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 20/5/2026, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận lãi phạt chậm trả lãi từ ngày 15/01/2025 đến ngày 29/4/2026; tổng cộng là: 1.609.308 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 tham gia phiên toà nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người trên.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn, thấy rằng hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với bị đơn ông Trần Văn N1 được ký kết ngày 21/5/2024, mặc dù lãi phạt đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng không phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi phạt chậm trả là không có cơ sở chấp nhận. Từ đó Tòa án cấp sơ

thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định pháp luật

[4]. Từ căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam).

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 278/2026/DS-ST, ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng, phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010466 ngày 26/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy nguyên đơn đã nộp xong.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự năm 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 3 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Quốc Định